

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 684/2020/HC-PT
Ngày 09 – 11 – 2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 337/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 5 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 238/2020/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3871/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2020; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trần Thanh S, sinh năm 1968, (*vắng mặt*).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, sinh năm 1973, (*vắng mặt*).

Cùng địa chỉ: Số 681 LVV, phường TP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 12/9/2018): Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 99C đường PQ, Phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Thanh S: Ông Nguyễn Ngọc T – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV VT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
2. Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 69A đường TL 1, phường HP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại theo ủy quyền của người bị kiện (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 2439/UBND ngày 23/7/2020): Ông Nguyễn Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1- Ông Nguyễn Gia H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2- Bà Đoàn Thị Phương Th – Trưởng phòng nghiệp vụ 2, Ban bồi thường – Giải phóng mặt bằng Quận 9; Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

3- Ông Lê Ngọc C1 – Cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân phường TP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph do bà Nguyễn Thị Nh là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1968, cha mẹ của ông Trần Thanh S là ông Trần Văn R và bà Lê Thị Tr có khai hoang lại mảnh đất của ông bác sĩ T1 đã di cư sang Mỹ sinh sống với tổng diện tích 10.000m² tại ấp MT, xã LTM, huyện TĐ (nay là đường LVV, phường TP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh), vị trí như sau: Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Văn Ch, phía Nam giáp Làng 31 (hiện nay là đường LVV), phía Đông giáp ngã ba MT và đường HHN. Trong quá trình sử dụng, cha mẹ ông S đã thực hiện kê khai và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Năm 1990, ông S lập gia đình nên được cha mẹ chia cho 384m² đất trong phần đất nêu trên. Năm 1992, vợ chồng ông S xây cất được căn nhà trên phần đất cha mẹ cho, do căn nhà xuống cấp nên vào tháng 4/1994 ông S có làm đơn xin sửa chữa nhà ở và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã LTM xác nhận, sau khi sửa chữa nhà xong thì hộ ông S được ký hợp đồng cung cấp điện sinh hoạt vào tháng 7/1994 và được cấp sổ hộ khẩu ngày 29/9/1995.

Năm 1993, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông S đã sang nhượng cho ông Trần Văn S1 diện tích đất 124m², phần đất còn lại 260m² ông S đã làm thủ tục kê khai để đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 04/8/1999 và đã được UBND phường TP xác nhận. Năm 2003, ông S tiếp tục được UBND phường xác nhận sử dụng nhà đất ổn định từ năm 1992. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông S đã đóng thuế đất ở đầy đủ cho toàn bộ diện tích đất. Ngày 09/01/2004, hộ ông S được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 70117150495 đối với diện tích 192.2m², phần diện tích còn lại 67.8m² không được cấp giấy chứng nhận, ông S có liên hệ với cơ quan cấp giấy chứng nhận thì được giải thích là phần đất này nằm trong quy hoạch sau này sẽ được Nhà nước giải quyết quyền lợi. Trước khi bị thu hồi nhà, đất để thực hiện dự án, gia đình ông S có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề là kinh doanh dịch vụ ăn uống và là nguồn thu nhập chính để nuôi sống gia đình.

Ngày 03/12/2014, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND thu hồi 44.1m² đất của gia đình ông S.

Ngày 20/10/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 03/12/2014, theo đó đã điều chỉnh diện tích thu hồi đất của gia đình ông S là 67.4m² đất.

Ngày 08/6/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 470/QĐ-UBND về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông S, theo đó gia đình ông S được bồi thường: 209.220.000 đồng, cụ thể theo Bảng tính giá trị bồi thường hỗ trợ ngày 10/12/2014 như sau: Đất ở MTLVV: 0.70m² = 12.516.000 đồng; đất nông nghiệp MTLVV: 0.20m² = 76.000 đồng; đất nông nghiệp MTLVV: 24.40m² = 9.272.000 đồng; đất đường: 18.80m² = không bồi thường; đất nông nghiệp trong thửa có nhà: 24.60m² = 175.939.000 đồng; nhàN/btT/g1m K/sTr/mM/t: 6.30m² = 8.505.000 đồng; nhàN/btT/g1m K/sTr/mM/t: 44.10m² = không bồi thường (XD sau 22/4/2002); đồng hồ nước: 1 cái = 1.200.000 đồng; đồng hồ điện 1 cái = không bồi thường; ống thoát nước bê tông đk 1m: 7.00 = 840.000 đồng; sân bê tông: 29.40 m² = không bồi thường; cây trồng, vật nuôi = 872.000 đồng.

Ngày 11/3/2016, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND có nội dung: Bồi thường thêm cho gia đình ông S 1.885.000 đồng, lý do: Hỗ trợ đất nông nghiệp (đất thủy lợi) mặt tiền đường LVV.

Gia đình ông S không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND Quận 9 nên đã làm đơn khiếu nại. Ngày 16/06/2016, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 59/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông S.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Quận 9, ông S có làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không nhận được văn bản trả lời. Ngày 07/08/2018, ông S tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/08/2018, ông S nhận được Công văn số 1955/TCD-XLD của UBND Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Giao Chủ tịch UBND Quận 9 giải quyết các nội dung đề xuất của Thanh tra Thành phố.

Ngày 24/08/2018, ông S nhận được Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9 về điều chỉnh Quyết định giải quyết khiếu nại số 59/QĐ-UBND ngày 26/05/2016 như sau: Giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND Quận 9 và bác toàn bộ khiếu nại của hộ ông S.

Ông S và bà Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Hủy các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND Quận 9, các Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9.

- Buộc UBND Quận 9 bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 67.8m² đất đã thu hồi của gia đình ông S theo đơn giá đất ở; bồi thường giá trị căn nhà diện tích 44.1m² và hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất cho gia đình ông S theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 và Ủy ban nhân dân Quận 9 do ông Nguyễn Văn Thành – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hộ ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph, địa chỉ: Số 681 LVV, phường TP, Quận 9 có sử dụng: 44.1m² đất thuộc thửa 12-3 diện tích 0.2m², thửa 35-1 diện tích 0.7m² và đường Đ-1 diện tích 43.2m², tờ bản đồ 70 TL 2003. Đối chiếu Tài liệu 02/CT-UB: thửa 12-3 thuộc thửa 190-5 diện tích 0.2m²; thửa 35-1 thuộc thửa 190-3 diện tích 0.7m²; đất đường Đ-1 thuộc thửa 190-5 diện tích

24.4m², thửa 196-3 diện tích 12.4m², đất đường diện tích 6.4m² tờ bản đồ số 6 đã kiểm kê trong dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường LVV (đoạn từ đường LXO đến ngã ba MT), Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nguồn gốc đất: Ngày 3/7/2014, Hội đồng xét nguồn gốc đất phường TP họp xét và thống nhất:

- Phần đất thuộc thửa 190-3 diện tích 0.7m² Tài liệu 02/CT-UB do UBND Quận 9 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 122/2004 ngày 09/01/2004 cho ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph sử dụng cho tới nay. Phần đất thuộc thửa 190-5 diện tích 24.6m² Tài liệu 02/CT-UB do ông Trần Văn R sử dụng từ trước năm 1975 đến năm 1990. Từ năm 1990, ông Trần Thanh S sử dụng cho đến nay.

- Phần đất thuộc thửa 196-3 diện tích 12.4m² Tài liệu 02/CT-UB do UBND xã quản lý sử dụng. Đến năm 1996, ông Trần Thanh S làm ống thoát nước rồi san lấp sử dụng cho đến nay.

- Phần diện tích 6.4m² theo Tài liệu 02/CT-UB là đất đường nên không bồi thường.

- Sổ mục kê Tài liệu 02/CT-UB: Thửa 190 do ông Trần Thanh S đăng ký; thửa 196 ghi Hệ thống thủy lợi.

- Sổ mục kê Tài liệu 2003: Thửa 12 do ông Nguyễn Xương Q đăng ký. Thực tế do nhiều hộ sử dụng, trong đó có ông Trần Thanh S. Thửa 35 do ông Trần Thanh S đăng ký.

- Thời điểm xây dựng nhà trong dự án là sau ngày 22/4/2002. Căn nhà ngoài dự án xây dựng năm 1992.

- Đất và nhà hiện không tranh chấp.

- Hộ ông Trần Thanh S không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 03/12/2014, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph trong dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng đường LVV, Quận 9. Nội dung: Thu hồi 44.1m² đất hộ ông, bà Trần Thanh S - Nguyễn Thị Ngọc Ph thuộc một phần các thửa 12, 35 và đường (trong đó có 43.2m² là đường), tờ bản đồ 70 Tài liệu năm 2003.

Căn cứ mục II, Phần III, căn cứ khoản 3, mục III, Phần IV của Phương án số 213/PABT-HĐBT ngày 25/12/2013 về bồi thường đất nông nghiệp, khoản 1, mục II, Phần V về hỗ trợ đất nông nghiệp trong thửa có nhà.

Ngày 08/6/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 470/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph với tổng số tiền 209.220.000 đồng (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 10/12/2014). Trong đó, tính bồi thường đất ở diện tích 0.7m², đất nông nghiệp mặt tiền đường LVV và hỗ trợ đất nông nghiệp trong thửa có nhà ở diện tích 24.6m².

Ngày 20/10/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND Quận 9 với nội dung: Điều chỉnh diện tích đất thu hồi của hộ ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph tại Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND Quận 9 là: 0.9m² thuộc một phần các thửa 12, 35 và diện tích 66.5m² thuộc đường, tờ bản đồ 70, theo Tài liệu năm 2003.

Ngày 23/12/2015, Văn phòng UBND Quận 9 ban hành Thông báo số 349/TB-VP về kết luận của Hội đồng Bồi thường Quận 9 tại cuộc họp giải quyết vướng mắc các dự án trên địa bàn Quận. Trong đó, nội dung hỗ trợ đất Tài liệu 02 thể hiện là Thủy lợi ý kiến Hội đồng có nêu: “*Thống nhất hỗ trợ đất ở chiếm dụng theo quy định tại mục IV, phần IV Phương án số 213/PABTHĐBT ngày 25/12/2013: “...Mục đích sử dụng là đất ở thì được xét hỗ trợ 20% đơn giá đất ở để tính bồi thường ...” do các hộ dân đã lắp cống và san lấp sử dụng trước 22/4/2002*”.

Ngày 11/3/2016, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND Quận 9 với nội dung bổ sung số tiền 1.885.000 đồng cho hộ ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph. Lý do: Hỗ trợ đất nông nghiệp (đất thủy lợi) mặt tiền đường LVV.

Ngày 16/6/2016, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph với nội dung: Công nhận Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 là đúng quy định.

Ngày 24/01/2017, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định giải quyết khiếu nại số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Chủ tịch UBND Quận 9; trong đó, nội dung Điều 1: Giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND Quận 9 “Về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph ...”, Điều 2: Việc ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph yêu cầu bồi thường 24.6m² đất nông nghiệp và 18.8m² đường theo đơn giá bồi thường

đất ở, yêu cầu bồi thường 44.1m² nhà N/bt, T/glm, K/s, Tr/m, M/t, 29.4 m² sân bê tông, đồng hồ điện là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Hộ ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện dự án.

Từ cơ sở trên, UBND Quận 9 nhận thấy việc ban hành các Quyết định hành chính đối với hộ ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án giữ nguyên các Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9; các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND Quận 9.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 238/2020/HC-ST ngày 25/02/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 157, 158, 193, 206 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai 2013; các Điều 18, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph về việc yêu cầu hủy Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph; Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/06/2015; Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016.

Bác yêu cầu của ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận 9 bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi theo đơn giá đất ở, bồi thường trị giá căn nhà xây dựng trên đất thu hồi và hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/02/2020, người khởi kiện ông Trần Thanh S có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND Quận 9, các Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9; buộc UBND Quận 9 bồi thường, hỗ trợ toàn bộ diện tích 67,4m² đất đã thu hồi của gia đình ông S theo đơn giá đất ở; buộc UBND Quận 9 tính toán bồi thường lại giá trị căn nhà theo hướng đúng quy định cho gia đình ông S; buộc UBND Quận 9 hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất theo đúng giá quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thanh S trình bày, người khởi kiện ông Trần Thanh S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và kháng cáo của ông S là có cơ sở với lý do như sau:

Vụ án này có nội dung tương tự như vụ án “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, giữa người khởi kiện là ông Trần Quốc Anh, bà Huỳnh Thanh T2 và người bị kiện là UBND Quận 9 và Chủ tịch UBND Quận 9. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số: 109/2020/HC-PT ngày 14/5/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc A, sửa bản án sơ thẩm số: 491/2019/HC-ST ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc A, bà Huỳnh Thanh T2, hủy các quyết định của UBND Quận 9 và Chủ tịch UBND Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong vụ án này, diện tích đất của gia đình ông Nguyễn Thanh S bị thu hồi là 67,4m², đất có nguồn gốc là của cha mẹ cho từ năm 1990, được gia đình ông S sử dụng ổn định, liên tục và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định pháp luật, không ai tranh chấp. Trước khi bị thu hồi nhà, đất để thực hiện dự án, gia đình ông S đã sử dụng diện tích đất này là đất ở và có đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề là kinh doanh dịch vụ ăn uống và là nguồn thu nhập chính để nuôi sống gia đình. Theo đó, hộ gia đình ông S có đủ điều kiện để được bồi thường về đất ở, cùng các tài sản trên đất và được hỗ trợ để ổn định đời sống, sản xuất, theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph là phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án, đúng quy định pháp luật. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Thanh S trình bày về yêu cầu và lý do kháng cáo của ông S là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của ông Trần Thanh S:

Diện tích đất của gia đình ông Trần Thanh S bị thu hồi là 67,4m². Về nguồn gốc diện tích đất này là một phần nằm trong diện tích đất do cha mẹ ông S là ông Trần Văn R và bà Lê Thị Tr khai hoang từ năm 1968, theo Sổ mục kê thì ông R kê khai là đất thổ; đến năm 1990 tặng cho ông S và được gia đình ông S tiếp tục quản lý sử dụng cho đến ngày thu hồi đất. Trong quá trình sử dụng đất, ông S xây nhà không bị xử phạt, sử dụng đất ổn định từ năm 1990 và được UBND phường TP xác nhận không có tranh chấp. Phần diện tích đất 67,4m² bị thu hồi nằm tiếp giáp cùng thửa đất có diện tích 192,2m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S. Phần diện tích đất thủy lợi do UBND xã quản lý theo Tài liệu 02 ngày 18/01/1992 và đường LVV có quyết định mở rộng năm 1995, đều sau ngày ông S sử dụng đất. Như vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 14, Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; khoản 1 Mục II Phần III của Phương án số 213/PABT-HĐBT ngày 25/12/2013 về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án nâng cấp, mở rộng đường LVV (đoạn từ đường LXO đến ngã ba MT) Quận 9 của UBND Quận 9 thì, sau khi trừ đi diện tích nương thủy lợi là 12,4m², hộ ông Trần Thanh S phải được bồi thường diện tích đất còn lại trong diện tích đất 67,4m² bị thu hồi theo đơn giá đất ở. Qua đó thấy rằng, trong diện tích đất bị thu hồi 67,4m², gia đình ông S mới chỉ được bồi thường 0,7m², nên còn lại 54,3m² hộ gia đình ông S phải được bồi thường theo đơn giá đất ở. Theo đó, các tài sản trên đất cũng phải được bồi thường theo quy định tại Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Kháng cáo của ông Trần Thanh S là có cơ sở, nên đề

ngợi Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và bà Ph, hủy các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND Quận 9, các Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9; buộc UBND Quận 9 thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông S, bà Ph theo đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Thanh S nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật tố tụng Hành chính nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự và người đại diện theo ủy quyền của các đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng Hành chính:

[1] Về tố tụng:

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị khởi kiện: Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND Quận 9; Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.1.a] Ngày 30/12/2011, Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 4003/QĐ-SGTVT về việc phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường LVV (đoạn từ đường LXO đến ngã ba MT), Quận 9. Ngày 08/10/2012, UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5139/UBND-ĐTMT về chấp thuận địa điểm đầu tư Dự án xây dựng nâng cấp, mở rộng đường LVV tại Quận 9. Thực hiện những quyết định trên, UBND Quận 9 thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng đường LVV (đoạn từ đường LXO đến ngã ba MT). Ngày 25/12/2013, Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng ban hành Phương án số 213/PABT-HĐBT. Ngày 03/3/2014, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 32/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 213/PABT-HĐBT. Ngày 03/7/2014, Hội

đồng xét nguồn gốc đất phường TP đã họp và xét thống nhất nguồn gốc sử dụng đất. Trên cơ sở đó, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 thu hồi 44.1m² đất của gia đình ông Trần Thanh S. Ngày 20/10/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 278/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 03/12/2014; theo đó, điều chỉnh diện tích thu hồi đất của gia đình ông S là: 67.4m².

[2.1.b] Ngày 08/6/2015, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 470/QĐ-UBND về công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Trần Thanh S với tổng số tiền 209.220.000 đồng (kèm Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ ngày 10/12/2014). Trong đó, tính bồi thường đất ở diện tích 0.7m², đất nông nghiệp mặt tiền đường LVV và hỗ trợ đất nông nghiệp trong thửa có nhà ở diện tích 24.6m².

Ngày 11/3/2016, UBND Quận 9 ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND có nội dung: Bồi thường thêm cho gia đình ông S 1.885.000 đồng, lý do: Hỗ trợ đất nông nghiệp (đất thủy lợi) mặt tiền đường LVV.

[2.1.c] Gia đình ông S không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND Quận 9 nên đã làm đơn khiếu nại. Ngày 16/6/2016, Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 59/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông S.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Quận 9, ông S làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không nhận được văn bản trả lời. Ngày 07/8/2018, ông S tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 16/8/2018, ông S nhận được Công văn số 1955/TCD-XLD của UBND Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: Giao Chủ tịch UBND Quận 9 giải quyết các nội dung đề xuất của Thanh tra Thành phố.

Ngày 24/8/2018, ông S nhận được quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/03/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9 về điều chỉnh Quyết định giải quyết khiếu nại số 59/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 như sau: Giữ nguyên toàn bộ Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND Quận 9 và bác toàn bộ khiếu nại của hộ ông S.

[2.1.d] Qua đó xét thấy, UBND Quận 9 ban hành các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003, khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai 2013 và các Điều 30, 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành các Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và

Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] *Xét nội dung các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND Quận 9; Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 và Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch UBND Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.*

[2.2.a] Xét tính hợp pháp và các căn cứ giải quyết yêu cầu bồi thường về đất của gia đình ông Trần Thanh S bị thu hồi.

[2.2.a1] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, đủ cơ sở xác định: Phần đất diện tích 67,4m² của gia đình ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph bị thu hồi là một phần nằm trong diện tích đất có nguồn gốc là do cha, mẹ ông S là ông Trần Văn R và bà Lê Thị Tr khai hoang từ năm 1968. Đến năm 1990, ông S lập gia đình nên đã được cha mẹ chia cho 384m² đất. Trong quá trình sử dụng đất, ông R và sau này là ông S đã đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước đối với toàn bộ diện tích đất này và không có ai tranh chấp.

[2.2.a2] Đến năm 1992, ông S và bà Ph đã xây cất căn nhà trên phần đất cha mẹ cho và gia đình ông, bà được chính quyền cấp sổ hộ khẩu ngày 30/7/1992. Sau đó, ông S có Đơn xin sửa nhà ở ngày 18/4/1994 gửi UBND xã LTM và được cán bộ địa chính xác nhận. Gia đình ông S ký hợp đồng điện sinh hoạt vào ngày 30/7/1994. Theo Bảng chiết tính ngày 10/12/2014 thì phần đất này có nhà, sân bê tông, cây trồng.

[2.2.a3] Qua đó xét thấy, diện tích đất 67,4m² bị thu hồi đã được gia đình ông S sử dụng vào mục đích ở từ năm 1992. Trong suốt quá trình sử dụng đất, gia đình ông S không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng đã được công bố cấm mốc; không lấn, chiếm lòng, lề đường, vỉa hè đã có chỉ giới xây dựng; cũng không vi phạm quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt và công khai. Phần diện tích đất 67,4m² bị thu hồi nằm tiếp giáp cùng thửa đất 35, tờ bản đồ 70, có diện tích 192,2m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S.

[2.2.a4] Trong khi đó, diện tích đất thủy lợi do UBND xã quản lý theo Tài liệu 02 ngày 18/01/1992 và đường LVV có quyết định mở rộng năm 1995, tất cả đều sau ngày ông S sử dụng đất như trên.

[2.2.a5] Như vậy, căn cứ vào Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 14, Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Mục I Phần III và điểm b khoản 7 Mục II Phần III của Phương án số 213/PABT-HĐBT ngày 25/12/2013 về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án nâng cấp, mở rộng đường LVV (đoạn từ đường LXO đến ngã ba MT) Quận 9 của UBND Quận 9 thì, sau khi trừ đi diện tích nương thủy lợi là 12,4m² theo quy định tại Điều 43 Luật Đất đai năm 2003, hộ ông Trần Thanh S phải được bồi thường đối với diện tích đất còn lại trong diện tích đất 67,4m² bị thu hồi theo đơn giá đất ở. Tuy nhiên, trong diện tích đất 54,3m² còn lại, gia đình ông Trần Thanh S chỉ được bồi thường 0,7m², là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Sanh theo quy định pháp luật.

[2.2.b] Về việc bồi thường đối với tài sản trên diện tích đất thu hồi 67,4m² của gia đình ông Trần Thanh S.

Do đã xác định được diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông Trần Thanh S đủ điều kiện để được bồi thường theo đơn giá đất ở, nên các tài sản trên đất cũng phải được bồi thường theo quy định tại Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[3] Từ những căn cứ nêu trên xét thấy, việc UBND Quận 9 ban hành các Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015, Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 và Chủ tịch UBND Quận 9 ban hành các Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016, Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017, trong việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Thanh S, bà Nguyễn Thị Ngọc Ph là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông S và bà Ph.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Thanh S là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh S, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S và bà Ph, hủy các quyết định hành chính nêu trên; buộc UBND Quận 9 thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông S, bà Ph theo đúng quy định pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của ông Trần Thanh S về việc yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được UBND Quận 9 xem xét giải quyết cùng với việc giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông S và bà Ph theo quy định pháp luật.

[6] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo ông Trần Thanh S tại phiên tòa phúc thẩm do phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[7] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện tại phiên tòa phúc thẩm do không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[8] Do sửa bản án hành chính sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ nộp án phí hành chính sơ thẩm như sau:

Người khởi kiện ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Người bị kiện UBND Quận 9 và Chủ tịch UBND Quận 9 phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 349 của Luật tố tụng Hành chính và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Trần Thanh S không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

1- Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Thanh S; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 238/2020/HC-ST ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, các Điều 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ các Điều 42, 43, 44 của Luật Đất đai năm 2003; khoản 6 Điều 210 của Luật Đất đai 2013; các Điều 18, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ khoản 4 Điều 14, Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; khoản 2 Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph;

+ Hủy Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph;

+ Hủy Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 08/06/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9;

+ Hủy Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph;

+ Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc điều chỉnh Quyết định giải quyết khiếu nại số 59/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9.

2. Buộc Ủy ban nhân dân Quận 9 phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình ông Trần Thanh S - bà Nguyễn Thị Ngọc Ph theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Ông Trần Thanh S và bà Nguyễn Thị Ngọc Ph không phải nộp. Hoàn trả cho ông S và bà Ph 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông S bà Ph đã nộp (do bà Nguyễn Thị Nh nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2017/0049852 ngày 05/10/2018 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

2- Án phí hành chính phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Trần Thanh S không phải nộp. Hoàn trả cho ông Trần Thanh S 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí án phí hành chính phúc thẩm đã nộp (do bà Nguyễn Thị Nh nộp thay) theo Biên lai thu số AA/2019/0045836 ngày 12/3/2020 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 11 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu – (Ấn - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ý

Đinh Ngọc Thu Hương

Đỗ Đình Thanh